

Đơn xin cấp chứng thực

Ngày tiếp nhận	Số cấp	Ngày cấp	Thời hạn thụ lý	ngày lập tức
----------------	--------	----------	-----------------	--------------

Loại chứng thực	<input type="checkbox"/> Chứng thực liên quan đến việc xuất nhập cảnh <input type="checkbox"/> Chứng thực đăng ký người nước ngoài
-----------------	---

Đối tượng được cấp chứng thực	Họ tên	Số chứng minh nhân dân (số đăng ký người nước ngoài)
	Địa chỉ	

※ Chứng thực có ghi bằng tên tiếng Anh liên quan đến việc xuất nhập cảnh (người Hàn quốc):

không ghi cùng ghi

(Trường hợp người khai được ủy nhiệm của đối tượng được cấp chứng thực thì kèm theo cả giấy ủy nhiệm)

Mục đích sử dụng	Số bản cấp phát	bản	Nơi nộp
------------------	-----------------	-----	---------

Người khai	Họ tên	Số chứng minh nhân dân (số đăng ký người nước ngoài)
	Số điện thoại	Quan hệ với người được cấp chứng thực
	Địa chỉ	

Xin cấp chứng thực theo điều 88 Luật quản lý xuất nhập cảnh và điều 75 Thông tư hướng dẫn cụ thể của Luật quản lý xuất nhập cảnh.

Năm tháng ngày

Người khai

(Ký tên hoặc đóng dấu)

Chủ tịch quận Haeundae thành phố Busan

Những điểm cần lưu ý

- Việc cấp bản chứng thực chỉ được phép khi bản thân người khai hoặc người đại diện pháp lý hay người đã được ủy nhiệm từ người khai và người đại diện pháp lý trực tiếp khai.
- Trường hợp dưới đây không thuộc vào điều 1 ở trên cũng có thể khai xin cấp chứng thực.
 - Trong tình trạng không thể biểu hiện ý kiến của bản thân do mất tích, do tử vong hay đã biết rõ ràng sẽ được sử dụng cho lợi ích của bản thân: vợ/chồng, họ hàng trực hệ.
 - Tình trạng bản thân là người nước ngoài đã xuất cảnh hoàn toàn: người thuê hoặc người đại diện pháp lý của bản thân người nước ngoài đó.
 - Người khác được Bộ trưởng Bộ tư pháp công nhận là cần thiết về lợi ích chung.
- Trường hợp bản thân trực tiếp xin cấp chứng thực thì không cần làm đơn xin mà chỉ cần xuất trình giấy xác nhận nhân thân.
- Trường hợp được ủy nhiệm thì phải xuất trình giấy xác nhận nhân thân của người khai, bản ủy nhiệm, bản sao xác nhận nhân thân của người ủy nhiệm.

Đơn xin cấp chứng thực

[사실증명 발급신청서]

❖ Loại chứng thực (증명의 종류)

- Đánh dấu loại đơn xin cấp chứng thực (báo cáo loại chứng thực để kiểm tra)
Giấy chứng thực liên quan đến việc xuất nhập cảnh (chứng thực liên quan đến việc nhập cảnh)
Giấy chứng thực đăng ký người nước ngoài (chứng thực đăng ký người nước ngoài)

❖ Đối tượng được cấp chứng thực (증명발급대상자)

- Tên và địa chỉ của đối tượng được cấp chứng thực (báo cáo tên và địa chỉ của đối tượng)
(báo cáo tên và địa chỉ của đối tượng)
- Số chứng minh nhân dân (số chứng minh nhân dân người nước ngoài) của đối tượng được cấp chứng thực (báo cáo số chứng minh nhân dân (số chứng minh nhân dân người nước ngoài) của đối tượng)
(báo cáo số chứng minh nhân dân (số chứng minh nhân dân người nước ngoài) của đối tượng)
- ※ Chứng thực có ghi bằng tên tiếng Anh liên quan đến việc xuất nhập cảnh (Chỉ trong trường hợp là người Hàn Quốc) [] không ghi [] cùng ghi (chứng thực có ghi bằng tên tiếng Anh liên quan đến việc xuất nhập cảnh (Chỉ trong trường hợp là người Hàn Quốc) [] không ghi [] cùng ghi)
(chứng thực có ghi bằng tên tiếng Anh liên quan đến việc xuất nhập cảnh (Chỉ trong trường hợp là người Hàn Quốc) [] không ghi [] cùng ghi)
(chứng thực có ghi bằng tên tiếng Anh liên quan đến việc xuất nhập cảnh (Chỉ trong trường hợp là người Hàn Quốc) [] không ghi [] cùng ghi)
Trường hợp người khai được ủy nhiệm của đối tượng được cấp chứng thực thì kèm theo cả giấy ủy nhiệm (báo cáo người khai được ủy nhiệm của đối tượng được cấp chứng thực thì kèm theo cả giấy ủy nhiệm)
(báo cáo người khai được ủy nhiệm của đối tượng được cấp chứng thực thì kèm theo cả giấy ủy nhiệm)
- Mục đích sử dụng giấy chứng nhận. (báo cáo mục đích sử dụng giấy chứng nhận)
(báo cáo mục đích sử dụng giấy chứng nhận)
- Số bản xin cấp. (báo cáo số bản xin cấp)
(báo cáo số bản xin cấp)
- Nơi nộp giấy chứng nhận (báo cáo nơi nộp giấy chứng nhận)

❖ Người khai báo (신청인)

- Họ tên và số chứng minh nhân dân (số chứng minh nhân dân người nước ngoài) của người khai báo (báo cáo họ tên và số chứng minh nhân dân (số chứng minh nhân dân người nước ngoài) của người khai báo)
(báo cáo họ tên và số chứng minh nhân dân (số chứng minh nhân dân người nước ngoài) của người khai báo)
- Ghi mối quan hệ của người được cấp chứng thực với số điện thoại của người khai (báo cáo mối quan hệ của người được cấp chứng thực với số điện thoại của người khai)
(báo cáo mối quan hệ của người được cấp chứng thực với số điện thoại của người khai)
- Địa chỉ của người khai. (báo cáo địa chỉ của người khai)
(báo cáo địa chỉ của người khai)
- ※ Xin cấp chứng thực theo điều 88 Luật quản lý xuất nhập cảnh và điều 75 Thông tư hướng dẫn cụ thể của Luật quản lý xuất nhập cảnh. (báo cáo xin cấp chứng thực theo điều 88 Luật quản lý xuất nhập cảnh và điều 75 Thông tư hướng dẫn cụ thể của Luật quản lý xuất nhập cảnh)
(báo cáo xin cấp chứng thực theo điều 88 Luật quản lý xuất nhập cảnh và điều 75 Thông tư hướng dẫn cụ thể của Luật quản lý xuất nhập cảnh)
- Ngày khai. (báo cáo ngày khai)
(báo cáo ngày khai)
- Họ tên và chữ ký và đóng dấu của người khai báo (báo cáo họ tên và chữ ký và đóng dấu của người khai báo)
(báo cáo họ tên và chữ ký và đóng dấu của người khai báo)

❖ Những điểm cần lưu ý 유의사항

1. Việc cấp bản chứng thực chỉ được phép khi bản thân người khai hoặc người đại diện pháp lý hay người đã được ủy nhiệm từ người khai và người đại diện pháp lý trực tiếp khai.

- 사실증명의 발급 신청은 본인이나 그 법정대리인 또는 그로부터 위임을 받은 자에 한합니다
2. trường hợp dưới đây không thuộc vào điều 1 ở trên cũng có thể khai xin cấp chứng thực.
(아래의 경우 위 제1호의 규정에도 불구하고 사실증명의 발급을 신청할 수 있습니다.)
 - Trong tình trạng không thể biểu hiện ý kiến của bản thân do mất tích, do tử vong hay đã biết rõ ràng sẽ được sử dụng cho lợi ích của bản thân: vợ/chồng, họ hàng trực hệ.
(행방불명, 사망 등으로 본인이 의사표시를 할 수 없는 상태에 있거나 명백하게 본인의 이익을 위해 사용될 것으로 인정되는 경우 : 본인의 배우자 또는 그 직계 존비속)
 - Tình trạng bản thân là người nước ngoài đã xuất cảnh hoàn toàn: người thuê hoặc người đại diện pháp lý của bản thân người nước ngoài đó.
(본인인 외국인이 완전 출국한 경우 : 본인인 외국인을 고용하였던 자 또는 그 대리인)
 - Người khác được Bộ trưởng Bộ tư pháp công nhận là cần thiết về lợi ích chung.
(그 밖에 법무부장관이 공익상 필요하다고 인정하는 자)
 - 3 Trường hợp bản thân trực tiếp xin cấp chứng thực thì không cần làm đơn xin mà chỉ cần xuất trình giấy xác nhận nhân thân.
(본인이 직접 증명발급을 신청하는 경우 신청서를 작성하지 않고 신분증만 제시 하면 됩니다)
 - 4 Trường hợp được ủy nhiệm thì phải xuất trình giấy xác nhận nhân thân của người khai, bản ủy nhiệm, bản sao xác nhận nhân thân của người ủy nhiệm.
(위임을 받은 경우 신청인의 신분증, 위임장, 위임한 자의 신분증(사본)을 제출 하여야 합니다.)